



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRƯỚC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 4 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 5 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 6 - 20 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Đặng Thế Hường | Chủ tịch |
| Ông Phan Từ Giang | Thành viên |
| Ông Hoàng Huy Hà | Thành viên |
| Ông Vũ Minh Phú | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Quang | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Phan Từ Giang | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Hưng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Quốc Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Lưu Tâm | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Phan Từ Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1,840,610,169,945 | 928,561,331,650 |
| (100=110+130+140+150) | | | | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 1,010,923,419,174 | 766,437,653,703 |
| 1. Tiền | 111 | | 718,503,419,174 | 416,437,653,703 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 292,420,000,000 | 350,000,000,000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 608,500,818,829 | 131,503,276,742 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 5 | 69,080,714,485 | 65,774,695,500 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 494,343,993,466 | 10,492,477,918 |
| 3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 4. Các khoản phải thu khác | 135 | 6 | 45,076,110,878 | 55,236,103,324 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 178,709,386,419 | 22,083,725,267 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 7 | 178,709,386,419 | 22,083,725,267 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 42,476,545,523 | 8,536,675,938 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2,613,051,540 | 2,130,564,692 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 178,123,270 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | 8 | 147,797,706 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 39,715,696,277 | 6,227,987,976 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260) | 200 | | 828,386,122,967 | 950,537,151,063 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 218 | | | |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 685,157,113,358 | 801,339,444,069 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 675,500,162,632 | 791,955,282,495 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1,270,600,105,749 | 1,244,096,834,951 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (595,099,943,117) | (452,141,552,456) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 5,566,979,476 | 5,692,882,799 |
| - Nguyên giá | 228 | | 41,132,298,145 | 35,269,773,145 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (35,565,318,669) | (29,576,890,346) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 4,089,971,250 | 3,691,278,775 |
| II. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 143,229,009,609 | 149,197,706,994 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 134,951,849,527 | 140,920,546,912 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | 13 | 8,277,160,082 | 8,277,160,082 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 2,668,996,292,912 | 1,879,098,482,713 |

Các thuyết minh kèm theo từ trang 6 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 2,243,495,043,667 | 1,470,877,287,628 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1,501,390,594,570 | 811,228,838,531 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14 | 419,156,232,913 | 164,912,000,000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 181,195,038,324 | 83,715,817,781 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 15 | 284,370,226,334 | 491,828,894,134 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 16 | 33,307,014,628 | 381,942,127 |
| 5. Phải trả nhân viên | 315 | | 10,374,113,848 | 7,823,477,309 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 17 | 70,544,464,359 | 32,259,449,224 |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | 18 | 438,415,474,679 | - |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 19 | 61,260,459,889 | 26,870,198,360 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 2,767,569,596 | 3,437,059,596 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 742,104,449,097 | 659,648,449,097 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | 20 | 742,104,449,097 | 659,648,449,097 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 425,501,249,245 | 408,221,195,085 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 423,034,198,547 | 401,578,584,390 |
| 1. Vốn cổ phần | 411 | | 594,897,870,000 | 594,897,870,000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 2,597,721,463 | 2,597,721,463 |
| 3. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | (174,461,392,916) | (195,917,007,073) |
| II. Nguồn kinh phí sự nghiệp | 430 | | 2,467,050,698 | 6,642,610,695 |
| 1. Nguồn kinh phí sự nghiệp | 432 | | 913,634,286 | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | 1,553,416,412 | 6,642,610,695 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400) | 440 | | 2,668,996,292,912 | 1,879,098,482,713 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2014

31/12/2013

- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ
- Ngoại tệ các loại
 - Đô la Mỹ
 - Euro

11.747.504,69
1.084,56

5.874.764,96
7.486,92

Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 4 | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-------|-------------|-----------------|------------------|------------------------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu gộp | 01 | 23 | 379,551,523,777 | 113,512,568,355 | 1,027,087,209,253 | 265,633,986,095 |
| 2. Doanh thu thuần (10=01) | 10 | | 379,551,523,777 | 113,512,568,355 | 1,027,087,209,253 | 265,633,986,095 |
| 3. Giá vốn dịch vụ cung cấp | 11 | 24 | 355,821,802,589 | 162,168,130,286 | 912,060,288,168 | 252,562,243,984 |
| 4. Lợi nhuận gộp (20=10-11) | 20 | | 23,729,721,188 | (48,655,561,931) | 115,026,921,085 | 13,071,742,111 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 2,096,335,826 | 7,209,134,189 | 13,258,482,856 | 17,909,077,645 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 22,459,502,141 | 19,541,633,279 | 70,531,563,557 | 79,180,517,640 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 15,098,737,226 | 16,120,156,780 | 61,981,004,317 | 75,468,383,398 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 7,269,991,712 | 10,048,356,567 | 28,263,344,205 | 31,326,745,847 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | (3,903,436,839) | (71,036,417,588) | 29,490,496,179 | (79,526,443,731) |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 4,001,167,458 | 1,174,045,187 | 4,364,705,320 | 1,783,580,202 |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 7,995,000 | 20,696,498,984 | 12,399,587,342 | 128,656,046,107 |
| 11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32) | 40 | 27 | 3,993,172,458 | (19,522,453,797) | (8,034,882,022) | (126,872,465,905) |
| 12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40) | 50 | | 89,735,619 | (90,558,871,385) | 21,455,614,157 | (206,398,909,636) |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | | | | 10,662,149,275 |
| 14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | 7,761,698,567 | | (7,925,865,278) |
| 15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52) | 60 | | 89,735,619 | (82,797,172,818) | 21,455,614,157 | (209,135,193,633) |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 1.51 | (1,392) | 360.66 | (3,515) |

Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIẢN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

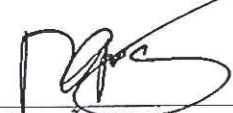
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03-DN


Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-------|------------------------------------|-------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | 21,455,614,157 | (206,398,909,636) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | 76,382,669,957 | 209,611,057,408 |
| Khấu hao tài sản cố định | 2 | 143,857,624,701 | 145,702,649,391 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 4 | 5,092,713,617 | (4,174,223,336) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 5 | (11,773,513,584) | (7,385,952,245) |
| Chi phí lãi vay | 6 | (60,794,154,777) | 75,468,583,598 |
| 3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 8 | 97,838,284,114 | 3,212,147,772 |
| Biến động các khoản phải thu | 9 | (480,569,189,236) | 180,777,174,637 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (156,909,849,867) | 74,178,156 |
| Biến động các khoản phải trả | 11 | 497,686,559,885 | 492,271,964,929 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 5,486,210,537 | 1,129,916,699 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (1,186,849,540) | (118,973,785,362) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | - | (17,140,796,863) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 3,728,000,000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (34,157,198,301) | (2,745,232,055) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (71,812,032,408) | 542,333,567,913 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | (32,365,795,798) | (2,312,183,190) |
| 2. Thu lãi tiền gửi | 27 | 11,770,841,084 | 12,054,659,654 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (20,594,954,714) | 9,742,476,464 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông | 32 | - | - |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 336,700,232,913 | 40,310,452,065 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | (40,310,452,065) |
| 4. Thanh toán lãi vay và cổ tức | 36 | - | (21,932,208,684) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 336,700,232,913 | (21,932,208,684) |
| Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | 50 | 244,293,245,791 | 530,143,835,693 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 766,437,653,703 | 236,580,775,891 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | 192,519,680 | (286,957,881) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 1,010,923,419,174 | 766,437,653,703 |


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng




Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 719 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 725 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thùy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí bán hàng phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|--|--------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 7 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 2 - 6 |
| Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp | 2 - 3 |
| Tài sản khác | 3 |

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ được chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do có nguyên giá dưới 30 triệu đồng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí khác này vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|----------------------------|--------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 3,054,338,539 | 6,927,001,142 |
| Tiền gửi ngân hàng | 715,449,080,635 | 409,510,652,561 |
| Các khoản tương đương tiền | 292,420,000,000 | 350,000,000,000 |
| | <u>1,010,923,419,174</u> | <u>766,437,653,703</u> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 tháng đến 2 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,2%/năm. Và khoản tiền gửi USD có kỳ hạn 1 tháng tại PVCombank với lãi suất 0.25%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro | 60,221,804,316 | |
| Cty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình DK Biển PTSC | | 16,407,583,214 |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Semco Việt nam | 254,826,000 | 39,898,247,751 |
| Seadrill Telesto Ltd | | 7,219,233,407 |
| Khách hàng khác | 8,604,084,169 | 2,249,631,128 |
| | <u>69,080,714,485</u> | <u>65,774,695,500</u> |

6. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu (*) | 25,062,361,543 | 49,753,235,033 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI) (**) | 16,172,060,520 | |
| Khách hàng khác | 3,841,688,815 | 5,482,868,291 |
| | <u>45,076,110,878</u> | <u>55,236,103,324</u> |

(*) Khoản phải thu Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu chủ yếu liên quan đến các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra cho việc sửa chữa tài sản cố định là cầu bánh xích DEMAG CC6800. Công ty sẽ thu hồi lại khoản chi này từ PVI theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 12/16/01/XDLĐ/PC00057 với số tiền bảo hiểm cho tài sản này tối đa là 230.968.860.174 đồng, bằng với nguyên giá của tài sản được bảo hiểm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và PVI chưa thống nhất số tiền bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, theo hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm sẽ được khấu trừ mức miễn trừ được quy định trong giấy chứng nhận bảo hiểm (5%). Ngoài ra, PVI sẽ chỉ bồi thường sau khi chấp nhận việc xuất trình các hóa đơn và chứng từ cần thiết chứng minh rằng việc sửa chữa đã được thực hiện, tùy theo từng trường hợp cụ thể. Chi phí ước tính cho việc sửa chữa cầu khoảng 116.405 tỷ đồng, bao gồm các chi phí giám định tổn thất, chi phí vận chuyển ra nước ngoài sửa chữa, các chi phí nhân công và nguyên vật liệu, trong đó chi phí sửa chữa chính tại nhà máy sản xuất cầu ở nước ngoài là 2.691.761,29 đồng Euro, tương đương 73 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty đã nhận được một phần giá trị khoản bồi thường bảo hiểm từ PVI với số tiền 88 tỷ đồng. Số dư phải thu từ PVI tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa cầu nhưng chưa được xác nhận bởi thường, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền này sẽ được thu hồi trên cơ sở các điều khoản bồi thường của hợp đồng bảo hiểm tài sản.

(**) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

7. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Hàng mua đang đi trên đường | 2,717,001,745 | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 167,267,280,981 | 16,220,424,565 |
| Công cụ, dụng cụ | 7,359,934,148 | 5,291,045,287 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1,365,169,545 | 572,255,415 |
| | <u>178,709,386,419</u> | <u>22,083,725,267</u> |

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước thể hiện khoản thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa (Xem thuyết minh số 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thảng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014
MÀU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| NGUYÊN GIÁ Tại ngày 01/10/2014 Tăng trong kỳ Kết chuyển từ chỉ phí XD CBDD Tại ngày 31/12/2014 | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND | Khác VND | Tổng VND |
|--|--------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---|------------------------------|--|
| | | | | | | | |
| | 757,423,602,480 | 109,373,042,961 5,169,145,673 | 378,579,728,237 18,676,410,607 | 9,042,126,057 223,233,354 | 3,850,699,617 | 8,137,116,763 125,000,000 | 1,246,406,316,115 5,517,379,027 18,676,410,607 |
| | 757,423,602,480 | 114,542,188,634 | 397,256,138,844 | 9,265,359,411 | 3,850,699,617 | 8,262,116,763 | 1,270,600,105,749 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | | |
| Tại ngày 01/10/2014 | 332,429,508,169 | 64,236,629,067 | 143,852,443,505 | 7,802,163,886 | 3,170,090,382 | 8,137,116,763 | 559,627,951,772 |
| Khấu hao trong kỳ | 22,872,175,283 | 3,974,959,485 | 8,275,384,424 | 246,142,483 | 102,545,620 | 784,050 | 35,471,991,345 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 355,301,683,452 | 68,211,588,552 | 152,127,827,929 | 8,048,306,369 | 3,272,636,002 | 8,137,900,813 | 595,099,943,117 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | 382,121,919,028 | 46,330,600,082 | 245,128,310,915 | 1,217,053,042 | 578,063,615 | 124,215,950 | 675,500,162,632 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 22.063.292.785 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.131.958.924 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính VND | Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND | Tổng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|---|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/10/2014 | 17,966,543,935 | 23,165,754,210 | 41,132,298,145 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>17,966,543,935</u> | <u>23,165,754,210</u> | <u>41,132,298,145</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/10/2014 | 12,818,666,449 | 21,696,610,361 | 34,515,276,810 |
| Khấu hao trong kỳ | 540,018,168 | 510,023,691 | 1,050,041,859 |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>13,358,684,617</u> | <u>22,206,634,052</u> | <u>35,565,318,669</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>4,607,859,318</u> | <u>959,120,158</u> | <u>5,566,979,476</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 28.880.566.575 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.544.802.150 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tại ngày đầu kỳ | 21,427,274,303 | 24,044,565,109 |
| Tăng trong kỳ | 1,339,107,554 | 1,862,212,280 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (18,676,410,607) | (16,963,457,872) |
| Kết chuyển sang tài sản vô hình | - | - |
| Kết chuyển sang chi phí trả trước | - | - |
| Kết chuyển sang chi phí khác | - | (5,252,040,742) |
| | <u>4,089,971,250</u> | <u>3,691,278,775</u> |

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 3,025,239,038 | 3,844,519,402 |
| Tiền thuê đất | 128,813,572,156 | 132,506,959,411 |
| Khác | 3,113,038,333 | 4,569,068,099 |
| | <u>134,951,849,527</u> | <u>140,920,546,912</u> |

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ nay và các năm trước:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

| | Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND | Các khoản lỗ tính thuế VND | Tổng VND |
|---------------------------------|--|----------------------------------|---------------|
| Tại ngày 01/01/2013 | | | |
| Ghi nhận vào lãi trong năm | 351,294,804 | | 351,294,804 |
| Tại ngày 31/12/2013 | | | |
| Ghi nhận vào (lỗ) lãi trong năm | (274,568,421) | 8,200,433,699 | 7,925,865,278 |
| Tại ngày 30/6/2014 | 76,726,383 | 8,200,433,699 | 8,277,160,082 |
| Ghi nhận vào (lỗ) lãi trong kỳ | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | | | 8,277,160,082 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 167.612.157.754 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 183.860.577.202 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian năm năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| NH TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Vũng Tàu (*) | 419,156,232,913 | 164,912,000,000 |
| Khác | | |
| | <u>419,156,232,913</u> | <u>164,912,000,000</u> |

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn ngoại tệ từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Vũng Tàu (PVCbank) với lãi suất là 2%/năm (trong vòng 6 tháng). Và khoản nợ gốc đến hạn 82.456 tỷ tại thời điểm 30/6/2014 Công ty có nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn theo Nghị quyết số 8614/NQ-DKVN Ngày 05/12/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký ngày 05/12/2014 của hai khoản vay số 1251/HĐ-DKVN ngày 17/02/2011, số 3676/HĐ-DKVN ngày 27/4/2011 giữa PVN và PVCbank.

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước thể hiện tạm ứng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô ("Vietsovpetro").

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro | 284,370,226,334 | 491,828,894,134 |
| Khác | | |
| | <u>284,370,226,334</u> | <u>491,828,894,134</u> |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|----------------------------|-----------------------|--------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế giá trị gia tăng | 31,105,627,662 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 474,430,936 | 301,270,523 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| Thuế khác | 1,726,956,030 | 80,671,604 |
| | <u>33,307,014,628</u> | <u>381,942,127</u> |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí lãi vay | 60,794,154,777 | 23,061,800,756 |
| Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2 và EPC3) | - | - |
| Giá trị còn lại của gói XL2 theo Báo cáo kiểm toán | 7,018,078,517 | 7,018,078,517 |
| Chi phí khác | 2,732,231,065 | 2,179,569,951 |
| | <u>70,544,464,359</u> | <u>32,259,449,224</u> |

18. PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng thể hiện khoản chênh lệch giữa khoản tiền Vietsovpetro đã thanh toán cho dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 theo tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng số 0884/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 với khối lượng công việc mà Công ty xác định đã thực hiện cho dự án này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải trả cổ tức | 20,473,674,200 | 21,846,129,500 |
| Kinh phí công đoàn | 265,171,527 | 512,473,022 |
| Bảo hiểm xã hội | - | - |
| Bảo hiểm y tế | - | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | - |
| Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam (*) | 35,016,871,164 | - |
| Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam (**) | 3,249,003,505 | - |
| Phải trả khác | 2,255,739,493 | 4,511,595,838 |
| | <u>61,260,459,889</u> | <u>26,870,198,360</u> |

(*) Khoản phải trả Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam là khoản hoàn thuế của dự án TĐ03 phải trả lại.

(**) Khoản phải trả Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam là khoản tạm ứng bồi thường tổn thất thiết bị BOP dự án TĐ03.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mối

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVFC đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 05/12/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 8614/NQ-DKVN về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị quyết số 1021/NQ-DKVN ngày 06/02/2013. Theo đó quyết định chấp thuận phương án xử lý các Hợp đồng ủy thác quản lý vốn có chi định mục đích số 1251/HĐ-DKVN ngày 17/02/2011, số 3676/HĐ-DKVN ngày 27/4/2011 giữa PVN và PVCombank, cụ thể như sau: Hai khoản vay sẽ được gia hạn đến hết ngày 31/12/2024, ân hạn trả nợ đến hết 2013. Đối với khoản nợ gốc và lãi đến hạn tại thời điểm 30/6/2014 Công ty có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến hạn (Miễn lãi quá hạn phát sinh liên quan đến số nợ gốc tại ngày 30/6/2014). Khoản nợ gốc còn lại sau khi trả nợ gốc tại thời điểm 30/6/2014 được gia hạn đến 30/6/2024, ngày trả gốc đầu tiên là 30/6/2015. Trả gốc 6 tháng/01 lần.

Theo đó các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--------------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 156,666,400,000 | 164,912,000,000 |
| Trong năm thứ hai | 74,210,400,000 | 164,912,000,000 |
| Trong năm thứ ba đến năm thứ năm | 222,631,200,000 | 494,736,449,097 |
| Từ năm thứ sáu đến năm thứ mười | 371,052,449,097 | - |
| Cộng | 824,560,449,097 | 824,560,449,097 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | <u>(82,456,000,000)</u> | <u>(164,912,000,000)</u> |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>742,104,449,097</u> | <u>659,648,449,097</u> |

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

| | Vốn điều lệ | Vốn khác của chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng |
|---------------------------|-----------------|-------------------------|--------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại ngày 31/12/2013 | 594,897,870,000 | 2,597,721,463 | (195,917,007,073) | 401,578,584,390 |
| Lỗ trong kỳ | | | (20,607,498,261) | (20,607,498,261) |
| Chia cổ tức | | | - | - |
| Số dư tại ngày 31/03/2014 | 594,897,870,000 | 2,597,721,463 | (216,524,505,334) | 380,971,086,129 |
| Lợi nhuận trong kỳ | | | 11,875,413,292 | 11,875,413,292 |
| Số dư tại ngày 30/6/2014 | 594,897,870,000 | 2,597,721,463 | (204,649,092,042) | 392,846,499,421 |
| Lợi nhuận trong kỳ | | | 30,097,963,507 | 30,097,963,507 |
| Số dư tại ngày 30/9/2014 | 594,897,870,000 | 2,597,721,463 | (174,551,128,535) | 422,944,462,928 |
| Lợi nhuận trong kỳ | | | 89,735,619 | 89,735,619 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 594,897,870,000 | 2,597,721,463 | (174,461,392,916) | 423,034,198,547 |

Cổ phần

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------|------------|
| - Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 59.489.787 | 59.489.787 |
| - Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 59.489.787 | 59.489.787 |
| - Số lượng cổ phần đang lưu hành | 59.489.787 | 59.489.787 |

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | 31/12/2014 và 31/12/2013 | | |
|---|--------------------------|------------|------------------|
| | % | Số cổ phần | Vốn đã góp (VND) |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) | 28,75 | 17.105.643 | 171.056.430.000 |
| Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam | 7,53 | 4.479.257 | 44.792.570.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 4,03 | 2.400.000 | 24.000.000.000 |
| Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô | 3,63 | 2.161.300 | 21.613.000.000 |
| Tổng Công ty lắp máy Việt Nam | 4,03 | 2.400.000 | 24.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần LILAMA 18 | 3,03 | 1.800.000 | 18.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 49,00 | 29.143.587 | 291.435.870.000 |
| | 0 | 0 | 0 |

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoàn cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Hợp đồng xây dựng (TĐ05) | 326,352,331,333 | |
| Hợp đồng sửa chữa (TĐ02) | 31,346,841,168 | |
| Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác | 15,762,489,623 | 110,519,315,212 |
| Dịch vụ khác | 6,089,861,653 | 2,993,253,143 |
| | <u>379,551,523,777</u> | <u>113,512,568,355</u> |

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Hợp đồng xây dựng (TĐ05) | 302,178,084,568 | |
| Hợp đồng sửa chữa (TĐ02) | 42,469,656,505 | |
| Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác | 10,608,157,516 | 159,846,223,493 |
| Dịch vụ khác | 565,904,000 | 2,321,906,793 |
| | <u>355,821,802,589</u> | <u>162,168,130,286</u> |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi | 1,206,573,859 | 2,758,323,994 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 486,912,969 | 276,586,859 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 402,848,998 | 4,174,223,336 |
| | <u>2,096,335,826</u> | <u>7,209,134,189</u> |

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền vay | 15,098,737,226 | 16,120,156,780 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 2,550,060,406 | 1,816,070,997 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 4,810,704,509 | 1,605,405,502 |
| | <u>22,459,502,141</u> | <u>19,541,633,279</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. LÃI/LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND |
|-----------------------------|--|--|
| Thu nhập khác | 4,001,167,458 | 1,174,045,187 |
| Chi phí khác | 7,995,000 | 20,696,498,984 |
| Lỗ từ hoạt động khác | 3,993,172,458 | (19,522,453,797) |

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND |
|---|--|--|
| Lợi nhuận trước thuế | 89,735,619 | (90,558,871,385) |
| Cộng: Các khoản không được trừ | | |
| Cộng: Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | (7,761,698,567) |
| Lợi nhuận sau thuế | 89,735,619 | (82,797,172,818) |
| Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 10% | | |
| Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 22% | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường trên lợi nhuận tính thuế của Công ty.

Trong kỳ, Công ty không trích thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

| | Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014 VND | Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013 VND |
|---|--|--|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 89,735,619 | (82,797,172,818) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông | <u>59,489,787</u> | <u>59,489,787</u> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.51</u> | <u>(1,391.8)</u> |

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Số dư các khoản phải trả khác (*) | | |
| Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam | 2.2939.628.500 | 2.239.628.500 |
| Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô | <u>1.080.650.000</u> | <u>1.080.650.000</u> |



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 01 năm 2015